

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HS-ST
Ngày 17-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Na

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Quý Nam

Bà Trương Thị Hiền

- **Thư ký phiên toà:** Ông Hoàng Trung Đức, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:** Ông Đàm Đình Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 196/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Nông Văn C**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không có. Sinh ngày 21/7/1977 tại huyện H, Cao Bằng. Nơi thường trú: Tổ C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Cán bộ (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 42 – QĐ/UBKTHU ngày 04/12/2023 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy N). Con ông: Nông Văn R (Đã chết); Con bà: Đàm Thị M, sinh năm 1952; Vợ: Chu Thị H, sinh năm 1978, nghề nghiệp: Giáo viên, cùng trú tại: Tổ C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng; Có 02 con sinh năm 2004 và 2013. Có 03 anh em, bị cáo là con cả. Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/7/2023 đến nay. Có mặt.

2. Họ tên: **Nguyễn Minh T**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không có. Sinh ngày: 20/7/1973 tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Nơi thường trú: 20 tầng 11 toà T11 T M, phường V, quận H, Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Kinh doanh. Bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 77 – QĐ/UBKTHU ngày 25/10/2023 của Ủy Ban kiểm tra Thành ủy Cao Bằng. Con ông: Nguyễn Tiến L (Đã chết) Con bà: Trần

Thị C1, sinh năm: 1950, nghề nghiệp: Hưu trí, trú tại: Tổ A, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Vợ: Hoàng Thị Hồng Á, sinh năm: 1974, nghề nghiệp: Cán bộ, trú tại: Tổ I, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có 02 con, sinh năm 2000, 2003. Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Nhân thân: Tại bản án số 02/2024/HS-ST ngày 11/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 12 (Mười hai) tháng tù về tội Trốn thuế.

Bị cáo bị bắt tạm giam kể từ ngày 25/8/2023. Hiện bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C. Có mặt.

3. Họ tên: **Hoàng Văn L1**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không có. Sinh ngày 23/9/1976 tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Nơi thường trú: Tổ A, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Nơi ở hiện tại: Tổ B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Viên chức. Đã đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 61 – QĐ/UBKTĐUK ngày 06/12/2023 của Ủy ban Kiểm tra, Đảng ủy khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh C. Con ông: Hoàng Đức T1, sinh năm 1946; Con bà: Trần Thị V, sinh năm 1952, cùng là cán bộ hưu trí và trú tại: Tổ A, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Vợ: Hà Thu T2, sinh năm 1976, nghề nghiệp: Kế toán, trú tại: Tổ B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có 02 con, sinh năm 2002 và 2007. Có 03 anh em, bị cáo là con cả. Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/8/2023 đến nay. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Hoàng Văn L2 – sinh năm 1954

Trú tại: Phố C, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

- Đàm Xuân B – sinh năm 1970

Trú tại: Tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

Người làm chứng: Lục Thị L3, sinh năm 1966

Trú tại: P, Thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công trình cấp điện sinh hoạt tại xóm N, xã P, huyện N, tỉnh Cao Bằng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (Chương trình 135) do Nông Văn C - Giám đốc Ban QLDAĐT & XD huyện N làm chủ đầu tư với tổng mức đầu tư là **4.342.999.865 đồng** (*Bốn tỷ ba trăm bốn mươi hai triệu chín trăm chín mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi năm đồng*), thời gian thực hiện dự án từ năm 2019 đến năm 2020. Nhà thầu thi công xây lắp là Công ty TNHH X, do ông Nguyễn Minh T (sinh năm 1973 trú tại Tòa T T M, phường V, quận H, thành phố Hà Nội) làm Giám đốc, có trụ sở tại: Số nhà A - B, tổ F, phường H, thành phố C; theo hợp đồng thi công xây dựng số 06/2020/HĐ - XD ngày 21/4/2020 với tổng giá trị gói thầu xây lắp và thiết bị là **3.561.211.000 đồng** (*Ba tỷ năm trăm sáu mươi một triệu hai trăm mười một nghìn đồng*). Đơn vị tư vấn giám sát thi công là Công ty TNHH K - Chi nhánh tại Cao Bằng, do Hoàng Văn L1 (sinh năm 1976 trú tại Tổ B, phường Đ, thành phố C) nhờ ông Hoàng Văn L2 (sinh năm 1954, trú tại phố C, xã H, thành phố C) đứng tên làm Giám đốc công ty, có trụ sở tại: Tổ A, phường S, thành phố C, theo hợp đồng tư vấn giám sát số 32/2020/TVGS ngày 21/4/2020 với giá trị hợp đồng là **117.000.000đ** (*Một trăm mười bảy triệu đồng*); thời hạn thực hiện dự án nêu trên là 180 ngày kể từ ngày 21/4/2020 đến ngày 21/10/2020.

Ngày 24/4/2020, Nguyễn Minh T - Giám đốc Công ty TNHH X đã tạm ứng với chủ đầu tư số tiền là **1.600.000.000 đồng** (*Một tỷ sáu trăm triệu đồng*). Theo hợp đồng trong tháng 4/2020 công trình bắt đầu khởi công. Tuy nhiên, đến khoảng tháng 7/2020 Công ty TNHH X mới triển khai thi công. Tại thời điểm đó, Công ty TNHH X thuê ông Đàm Xuân B (sinh năm: 1970; Trú tại: Tổ H, phường S, thành phố C) trực tiếp tổ chức thi công công trình. Quá trình thi công đã thực hiện được hạng mục móng cột và dựng được 60/146 cột điện đường dây 0,4 KV. Đến khoảng tháng 9 năm 2020, do hết vật liệu thi công và không được T trả tiền công nên tổ thợ của ông B đã bỏ dở và không thi công công trình nữa; thấy vậy, Nông Văn C đã nhiều lần thúc giục phía nhà thầu thi công tiếp tục hoàn thiện các phần còn lại nhưng T chỉ hứa hẹn và không thi công. Đến tháng 12/2020 là thời điểm thanh toán khối lượng thi công theo hợp đồng, do lo sợ nguồn vốn bị thu hồi nên Ban QLDAĐT&XD huyện Nguyên Bình đã thanh toán toàn bộ phần tiền còn lại của dự án là **1.711.926.230 đồng** (*Một tỷ bảy trăm mười một triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm ba mươi đồng*) cho Công ty TNHH X trong khi thực tế chưa có khối lượng xây lắp tương ứng, chưa có hồ sơ thể hiện khối lượng. Đồng thời, trong tháng 12/2020, Ban QLDAĐT&XD huyện N cũng đã thanh toán 100% giá trị khối lượng công việc giám sát thi công cho Công ty TNHH K – Chi nhánh tại Cao Bằng với số tiền là **117.000.000 đồng**. Cán tự thanh toán chi phí quản lý dự án cho Ban QLDAĐT&XD huyện Nguyên Bình là **87.324.000 đồng**.

Tổng số tiền giám sát thi công và chi phí quản lý dự án là **204.324.000** đồng (Hai trăm linh tư triệu, ba trăm hai mươi tư nghìn đồng).

Tháng 6/2021, Nông Văn C chuyển công tác và giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện N, do công trình chưa hoàn thành nên vào khoảng tháng 6/2022 C tự liên hệ với ông Đàm Xuân B để tiếp tục hoàn thiện phần còn lại của công trình trên. Sau đó C đã liên hệ với Hoàng Văn L1 để đặt mua vật liệu, thiết bị lắp đặt hoàn thiện toàn bộ công trình. Do Công ty TNHH X không thi công công trình nữa nên C đã yêu cầu Nguyễn Minh T chuyển lại khoản tiền đã thanh toán của công trình để tiếp tục thi công, ngày 03/11/2022 T đã chuyển vào tài khoản cá nhân của C mở tại Ngân hàng V1 Chi nhánh C2 với số tiền **1.556.833.250** đồng để chi trả một phần hoàn thiện của công trình chưa thi công. Đến tháng 7/2023, công trình đã hoàn thành tất cả các hạng mục, sau đó Điện lực huyện N kiểm tra, đảm bảo các yếu tố kỹ thuật theo thiết kế nên đã đấu nối, lắp công tơ, đóng điện và cấp điện cho các hộ dân sử dụng.

Hành vi của các bị cáo Nông Văn C, Nguyễn Minh T, Hoàng Văn L1 đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh C lập hồ sơ khởi tố về hành vi Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

Tại Bản cáo trạng số 139/CT-VKSCB-P1, ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Nông Văn C, Nguyễn Minh T, Hoàng Văn L1 về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố là đúng, không có ý kiến thắc mắc.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo khẳng định quyết định truy tố các bị cáo Nông Văn C, Nguyễn Minh T, Hoàng Văn L1 về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Tội danh: Các bị cáo Nông Văn C, Nguyễn Minh T, Hoàng Văn L1 phạm tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong thi hành công vụ.

Điều luật áp dụng và hình phạt:

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 356, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nông Văn C, xử phạt bị cáo từ 30 tháng đến 36 tháng tù.

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 356, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Minh T, xử phạt bị cáo từ 24 tháng đến 30 tháng tù.

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 356, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn L1, xử phạt bị cáo từ 24 tháng đến 30 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 48 tháng đến 60 tháng.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại 01 điện thoại di động cho bị cáo Nông Văn C, 02 điện thoại di động cho bị cáo Nguyễn Minh T do không liên quan hành vi phạm tội.

Buộc bị cáo Nông Văn C và Hoàng Văn L1 phải nộp số tiền thiệt hại là 204.324.000 đồng, xác nhận bị cáo Nông Văn C đã nộp 87.000.000 đồng và bị cáo Hoàng Văn L1 đã nộp 117.000.000 đồng, bị cáo Nông Văn C phải có nghĩa vụ nộp tiếp số tiền là 324.000 đồng.

Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra; Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có

trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận:

Ban QLDA ĐT&XD huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng là chủ đầu tư Công trình cấp điện sinh hoạt tại xóm N, xã P, huyện N do Nông Văn C làm Giám đốc. Tháng 4/2020, C ký hợp đồng thi công xây dựng với Nguyễn Minh T - Giám đốc Công ty TNHH X thi công xây dựng gói thầu xây lắp và thiết bị công trình cấp điện sinh hoạt xóm N với tổng giá trị gói thầu là **3.561.211.000** đồng; ký hợp đồng tư vấn giám sát với Hoàng Văn L1 - Công ty TNHH K chi nhánh tại Cao Bằng với số tiền **117.000.000** đồng, thời hạn hoàn thành toàn bộ công trình là vào tháng 11/2020. Tuy nhiên đến tháng 12/2020 công trình cấp điện sinh hoạt tại xóm N chỉ hoàn thành được một phần hạng mục, nhưng Nông Văn C cùng Nguyễn Minh T, Hoàng Văn L1 đã lập hồ sơ hoàn thành khối lượng công trình để Cán thanh toán toàn bộ số tiền của dự án cho Nguyễn Minh T; Cán thanh toán tiền giám sát cho L1 với số tiền **117.000.000** đồng; C tự thanh toán tiền quản lý dự án cho Ban QLDA ĐT&XD huyện Nguyên Bình với số tiền **87.324.000** đồng. Đến tháng 7/2023 C, T, L1 mới khắc phục và hoàn thành toàn bộ công trình để đưa vào hoạt động. Hành vi của Nông Văn C, Nguyễn Minh T, Hoàng Văn L1 đã gây thiệt hại cho ngân sách của nhà nước với số tiền **204.324.000** đồng.

Hành vi của các bị cáo Nông Văn C, Nguyễn Minh T, Hoàng Văn L1 phạm tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự.

Xét thấy Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Đánh giá vai trò đồng phạm: Trong vụ án này, xác định được bị cáo Nông Văn C thời điểm phạm tội giữ chức vụ Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện N là bị cáo giữ vai trò đầu vụ, do giải quyết nội dung giải ngân vốn, số tiền còn lại là 1.711.926.230 đồng cho công ty TNHH X và số tiền 117.000.000 đồng cho Công ty TNHH K – Chi nhánh C2 trong khi thực tế chưa có khối lượng xây lắp tương ứng, chưa có hồ sơ thể hiện khối lượng của dự án của công trình cấp điện sinh hoạt tại xóm N, xã P, huyện N bị thu hồi nên bị cáo Nông Văn C đã đề nghị công ty TNHH X là đơn vị thi công và công ty TNHH K – Chi nhánh C2 là đơn vị tư vấn giám sát thi công phối hợp thực hiện việc thanh toán hợp đồng. Nguyễn Minh T và Hoàng Văn L1 đã lập hồ sơ hoàn thành khối lượng công trình để Nông Văn C thanh toán toàn bộ số tiền 1.711.926.230 đồng cho công ty TNHH X và số tiền 117.000.000 đồng cho Công ty TNHH K – Chi nhánh C2, thanh toán cho Ban quản lý dự án đầu tư & xây dựng huyện N số tiền 87.324.000 đồng.

Các bị cáo có sự trao đổi thống nhất cách thức thực hiện hồ sơ thanh toán hợp đồng, tuy nhiên Hội đồng xét xử xác định các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Nông Văn C là người có chức vụ, quyền hạn, là đại diện chủ đầu tư trong Công trình đầu tư cấp điện sinh hoạt xóm N, bị cáo là người khởi xướng, đặt vấn đề khi đến thời gian gấp rút giải ngân, bị cáo Nguyễn Minh T là đại diện đơn vị thi công, biết rõ việc ký khống khối lượng công trình để hoàn tất thanh toán hợp đồng là sai phạm, nhưng vì cả nể và muốn giúp bị cáo Nông Văn C thực hiện giải ngân dự án nên bị cáo đã giúp bị cáo Nông Văn C. Đối với bị cáo Hoàng Văn L1, là đại diện tư vấn giám sát thi công sau khi có đề nghị từ Nông Văn C cũng đã giúp sức để thanh toán hợp đồng. Bị cáo Nông Văn C có vai trò cao hơn hai bị cáo còn lại, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ xem xét mức hình phạt đối với từng bị cáo.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, đồng thời xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, nhằm mục đích để được hưởng lợi về kinh tế, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Việc đưa các bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục, phục vụ công tác đấu tranh chống tội phạm qua đó phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về nhân thân*: Các bị cáo Nông Văn C và Hoàng Văn L1 là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Nguyễn Minh T bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 12 tháng tù về tội Trốn thuế tại bản án số: 02/2024/HS-ST ngày 11/01/2024.

- *Về tình tiết tăng nặng*: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Đồng thời, các bị cáo Nông Văn C, Hoàng Văn L1, Nguyễn Minh T đã nộp khoản tiền khắc phục gây thiệt hại. Ngoài ra, các bị cáo được tặng nhiều danh hiệu và hình thức khen thưởng như: bị cáo Nông Văn C được tặng thưởng nhiều giấy khen, bị cáo Nguyễn Minh T đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở nhiều năm, bị cáo Hoàng Văn L1 được tặng Bằng khen. Bị cáo Hoàng Văn L1 có bố vợ được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba. Nên các bị cáo Nông Văn C, Hoàng Văn L1 và Nguyễn

Minh T được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Nông Văn C, Nguyễn Minh T, Hoàng Văn L1 có hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51, do đó có thể áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để cho các bị cáo được áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Trong đó, có bị cáo Hoàng Văn L1 là người giúp sức đóng vai trò không đáng kể, hành vi của bị cáo được đánh giá là nhẹ nhất trong ba bị cáo, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, do đó, căn cứ các quy định pháp luật, Hội đồng xét xử có thể cho bị cáo được hưởng án treo. Đối với các bị cáo Nông Văn C và Nguyễn Minh T xét thấy phải áp dụng hình phạt tù giam.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy mức đề nghị hình phạt của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng là phù hợp và cần được chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Khoản 4 Điều 356 của Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.”* Hội đồng xét xử xét thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Cần được xử lý như sau:

- Tiền Việt Nam đồng: 204.000.000 đồng là tiền bị cáo Nông Văn C và Hoàng Văn L1 nộp để khắc phục hậu quả thiệt hại gây cho Nhà nước. Bị cáo Nông Văn C còn phải nộp thêm số tiền 324.000 đồng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, màu vàng đồng của Nông Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu đen của Nguyễn Minh T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu xanh thu giữ của Nguyễn Minh T, xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đối với Công ty T4 kê công trình 566 và Trung tâm Kiểm định chất lượng - Sở xây dựng tỉnh C là đơn vị thực hiện việc khảo sát thiết kế, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định hồ sơ mời thầu được thực hiện đúng quy trình và thực hiện xong trước khi chủ đầu tư ký hợp đồng thi công xây dựng với Công

ty TNHH X. Do vậy, việc thanh toán các chi phí trên là đúng quy định nên không xem xét trách nhiệm là có căn cứ.

Đối với bà Lục Thị L3 - Kế toán Ban QLDA ĐT&XD huyện N được giao nhiệm vụ thực hiện thanh toán hồ sơ Công trình cấp điện sinh hoạt xóm N. Quá trình điều tra xác định được bà L3 chỉ nhận đủ hồ sơ, đối chiếu các số liệu có trong hồ sơ và thực hiện các thủ tục thanh toán theo quy định do vậy không xem xét xử lý là có căn cứ.

Đối với Hoàng Văn L2 là người được Hoàng Văn L1 nhờ đứng tên Giám đốc Công ty TNHH K – Chi nhánh tại Cao Bằng. Quá trình điều tra xác định được việc ký kết và thực hiện hợp đồng giám sát của Công ty đều do L1 thực hiện, L2 không hề biết và không được nhận tiền nên không xem xét xử lý đối với L2 là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Các bị cáo Nông Văn C, Nguyễn Minh T, Hoàng Văn L1 phạm tội “*Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 356, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nông Văn C.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 356, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Minh T.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 356, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 54, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn L1.

+ Xử phạt bị cáo Nông Văn C 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi trại chấp hành án.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 24 (hai mươi tư) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 25/8/2023.

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Văn L1 24 (hai mươi tư) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng, được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể

quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:
- + Số tiền 87.324.000đ (T3 mươi bảy triệu ba trăm hai mươi tư nghìn đồng) đối với bị cáo Nông Văn C;
- + Số tiền 117.000.000đ (Một trăm mười bảy triệu đồng) đối với bị cáo Hoàng Văn L1.

Xác nhận bị cáo Nông Văn C đã nộp 87.000.000 đồng, bị cáo Hoàng Văn L1 đã nộp số tiền 117.000.000 đồng (Trong tổng số tiền 204.000.000 đồng theo biên bản giao nhận vật chứng số 42 ngày 08 tháng 12 năm 2023). Nay bị cáo Nông Văn C phải nộp tiếp số tiền 324.000đ (Ba trăm hai mươi tư nghìn đồng).

- Trả lại 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, màu vàng đồng, số IMEI: 356566086580362, máy cũ đã qua sử dụng, mặt sau có nhiều vết xước đã cũ thu giữ của Nông Văn C.

- Trả lại 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, màu đen, số IMEI: 356758083601164, máy cũ đã qua sử dụng, mặt sau có nhiều vết xước đã cũ và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu xanh, số IMEI 356261101910402, máy đã qua sử dụng, màn hình cảm ứng bị vỡ tại góc phải bên dưới, mặt sau có nhiều vết xước đã cũ thu giữ của Nguyễn Minh T.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số: 42 ngày 08 tháng 12 năm 2023.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nông Văn C, Nguyễn Minh T, Hoàng Văn L1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo về phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình được ghi nhận trong bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Cục THA dân sự tỉnh Cao Bằng;
- Trại tạm giam CA tỉnh Cao Bằng (PC11);
- CQANĐT-CA tỉnh Cao Bằng (PA09);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh (PV06);
- P.THAHS-HTTP CA tỉnh Cao Bằng (PC10);
- Phòng KTNV&THA;
- Người TGTT.
- Lưu HS vụ án;
- Lưu tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Lê Na

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

.....

.....

Lê Na